

Số: 77/2019/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự tự nguyện thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 482/2013/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2013 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Duy N**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Berlin, Cộng hoà Liên bang Đức.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Đình K**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Đường H, phường P, Thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(theo Giấy ủy quyền lập số chứng thực 709, Quyền số 01/2018-SCT/CK,CD ngày 16/5/2018).

Bị đơn: Ông **Đặng Minh T**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Phan Thị Kim C**, sinh năm 1970.

2. Bà **Đặng Thị Kim T**, sinh năm 1994.

3. Ông **Đặng Minh T**, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của các ông (bà) Phan Thị Kim C, Đặng Thị Kim T, Đặng Minh T1: Ông **Đặng Minh T**.

(theo Giấy uỷ quyền số 00003583, 00003584, 00003585, quyền số 03/TP/CC-SCC/UQ lập ngày 23/3/2018 tại Văn phòng Công chứng T).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Đặng Minh T đồng ý giao lại toàn bộ phần đất diện tích 1678 m², thuộc thửa số 354, tờ bản đồ số 18, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 555/QSDD/41/QĐ ngày 20/4/1995 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Duy N.

2.2 Nguyên đơn đồng ý cho bị đơn ông Đặng Minh T được quyền sử dụng phần đất diện tích 244,7 m², thuộc thửa 53-1 theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất (bổ túc hồ sơ xác định diện tích xin tách thửa) ngày 08/01/2019 của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đo đạc Bản đồ Thịnh Phát, là một phần trong diện tích 1678 m², thuộc thửa số 354, tờ bản đồ số 18, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 555/QSDD/41/QĐ ngày 20/4/1995 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Nguyễn Duy N, để làm lối đi và không yêu cầu thanh toán giá trị quyền sử dụng đất. Các bên tự tháo dỡ, giao nhận đất theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất nêu trên và đã thực hiện xong.

2.3 Nguyên đơn bà Nguyễn Duy N được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích thực tế còn lại trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 555/QSDD/41/QĐ ngày 20/4/1995.

2.4 Bị đơn ông Đặng Minh T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích 244,7 m² theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất (bổ túc hồ sơ xác định diện tích xin tách thửa) ngày 08/01/2019 của Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đo đạc Bản đồ Thịnh Phát, nếu đủ điều kiện cấp giấy theo quy định pháp luật.

2.5 Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng. Nguyên đơn bà Nguyễn Duy N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4,000,000 (*Bốn triệu*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2010/06189 ngày 26/11/2013 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Châu Kim Anh